

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia  
đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Vũ Tiến Thịnh
- Ông Trương Công Định

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa:** Bà Ngô Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TB-TLVA ngày 27 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST- HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1939;

Nơi cư trú: Số nhà I, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Bà Đào Thị K, sinh năm 1951;

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ D, đường L, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Bà K vắng mặt tại phiên tòa, ông N có đơn xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/02/2024, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày: Ông và bà Đào Thị K tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 02/10/2019 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Thời điểm kết hôn, ông và bà K đều đã có tuổi, cả hai mong muốn có người bầu bạn lúc về già. Kể từ khi kết hôn, bà K vẫn ở nhà bà K tại tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, thỉnh thoảng ông đến ăn ở và sinh hoạt tại nhà bà K, bà K không đến nhà ông bao giờ, kể cả trong những dịp giỗ chạp, lễ tết. Từ

khoảng 01 năm trở lại đây, giữa ông và bà K xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa ông và bà K là do tuổi của ông đã cao, việc đi lại gặp nhiều khó khăn không thể thường xuyên đến nhà bà K nữa khiến bà K không hài lòng, mặt khác, khi ông ốm đau phải nhập viện, việc chăm sóc ông các con ông lo, bà K không quan tâm, hỏi han ông bao giờ. Đến thời điểm hiện tại, ông xác định tình nghĩa vợ chồng giữa ông và bà K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Đào Thị K. Việc ly hôn ông đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện. Về con chung: Ông và bà Đào Thị K không có con chung. Về tài sản: Ông và bà Đào Thị K không có tài sản, công nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn bà Đào Thị K trình bày: Bà và ông Phạm Văn N là bạn bè từ hơn 10 năm nay và đã kết hôn được khoảng 5 năm nay. Đã từ lâu ông N về sinh sống cùng con cái tại tổ A phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình không còn sống cùng bà. Việc ông N nộp đơn ly hôn bà không biết nên bà không có ý kiến và không trình bày và bà không ký bất kỳ biên bản, giấy tờ gì, bà cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa. Ông N nộp đơn thì ông N tự giải quyết.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Văn N được ly hôn bà Đào Thị K. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông N và bà K không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa

- **Về thủ tục tố tụng:** Ông Phạm Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Đào Thị K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt các đương sự.

#### **- Về nội dung:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N và bà Đào Thị K kết hôn với nhau có đăng ký ngày 02/10/2019, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa ông N và bà K không tôn trọng, không quan tâm, giúp đỡ nhau, không chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Ông N và bà K đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, ông N kiên quyết xin ly hôn bà K và hơn nữa bà K không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn N, xử cho ông N được ly hôn bà K.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông N và bà K không có con chung nên không giải quyết

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Ông N và bà K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Phạm Văn N là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí cho ông Phạm Văn N.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Văn N được ly hôn bà Đào Thị K.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông Phạm Văn N và bà Đào Thị K không có con chung nên không giải quyết

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Ông Phạm Văn N và bà Đào Thị K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn N.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn N và bà Đào Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:  
UBND phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh**

